

PHỤ LỤC
DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ

Kèm theo văn bản chào giá số /BVT VTTBYT ngày /4/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin khác liên quan	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
Phần I: Vật tư phẫu thuật nội soi khớp gối (17 mặt hàng)					
1	Vít cố định dây chằng chéo	- Vật liệu: Micro TCP kết hợp 96L/4D PLA tự tiêu. - Kích thước: Các cỡ từ 5.0 x 15 ... 11.0 x 35(mm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA	Cái	30	
2	Vít treo cố định mảnh ghép gân các cỡ	- Vật liệu: Vít neo bằng titanium. - Kích thước neo: đường kính 4,5mm, dài 13.5mm, - Kích thước vòng lặp dài: 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60 (mm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA	Cái	30	
3	Vít neo sụn chêm	Có 7 Vít neo bằng vật liệu PEEK, kèm theo chỉ siêu bền dài 71cm. - Đường kính chỉ khâu trung bình: 0.35-0.41mm Ứng dụng: Khâu sụn chêm all inside (khâu toàn bộ bên trong) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA	Cái	15	
4	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài	- Thanh treo: Vật liệu bằng Titanium. - Kích thước: Chiều rộng 3mm, chiều cao 1.5mm, chiều dài 11mm. - Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chỉ siêu bền số 5, lực căng đến 1021N, độ dẫn 1.02mm. - Chỉ kéo thanh treo: Vật liệu bằng chỉ siêu bền số 2. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA	Cái	120	
5	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài	Vít treo gồm 2 thành phần: - Thanh treo: Vật liệu Titanium, có 2 kích cỡ 14mm và 17mm. - Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chỉ siêu bền số 5, lực căng đến 958N, độ dẫn 1.8mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA	Cái	120	
6	Mũi khoan xương	Đầu mũi khoan có đường khắc laser xung quanh, cho biết khoảng cách an toàn trước khi kích hoạt chế độ khoan ngược. - Có 2 chức năng: + Chức năng khoan dẫn đường với chế độ khoan định hướng. + Chức năng khoan đường hầm với chế độ khoan ngược. - Kích thước: + Chiều dài trục: 23.5cm + Đường kính đầu mũi khoan: 3.5mm + Đường kính khoan đường hầm: 6.0/6.5/7.0/7.5/8.0/8.5/9.0/9.5/10/11/12mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA	Cái	30	
7	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu liên kim	- Là chỉ siêu bền, chất liệu UHMW - Polyethylene. Chỉ được bện và không tiêu, được chỉ định cho khâu mô mềm trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình. - Có 1 Chỉ siêu bền số 2. Độ dài chỉ: 40 inchs (101 cm) - Kích thước kim: loại kim C-2. đường kính vòng kim 0.5", đầu kim dạng thon. - Lực kéo ra tối đa 360N. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA	sợi	120	
8	Lưỡi bào khớp	Sử dụng cắt bỏ mô mềm, gốc dây chằng, màng hoạt dịch, sụn chêm. - Lưỡi bào có nhiều hình dạng đầu bào khác nhau: có răng, không răng Chiều dài làm việc 13cm, đường kính 3.5mm, 4.2mm, 4.8mm, 5.5mm. - Lưỡi bào sử dụng với tay bào khớp có 2 nút điều khiển và máy điều khiển trung tâm đa năng, có 2 màn hình cảm ứng. Tốc độ làm việc dao động từ 500 vòng/phút đến 12000 vòng/phút. Có tính năng khóa cửa sổ hút, có các chế độ khoan mài: thuận, nghịch, dao động đơn hướng, dao động đa hướng. Momen xoắn 35 in.oz. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA	Cái	200	
9	Dây dẫn nước	- Tổng chiều dài dây dẫn đường vào : 4.9m. Trong đó: chiều dài dây dẫn về phía bệnh nhân khoảng 3.4m, chiều dài dây dẫn về phía túi dịch khoảng 1.5m - Dây được sử dụng với máy bơm chuyên dụng, máy có màn hình hiển thị: Hiển thị áp lực bơm trong phẫu thuật nội soi khớp hoặc tỉ lệ phần trăm (%) trong phẫu thuật nội soi bụng. Máy có cửa sổ để cảm biến áp lực bơm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA	Cái	200	

10	Lưỡi cắt đốt mô	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế 2 loại đầu cơ góc cong 50 và 90 độ. - Đầu đốt góc cong 90 độ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính đầu 0.148 in. + Đường kính thân 0.148 in. + Chiều dài làm việc 13 cm. - Đầu đốt góc cong 50 độ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính đầu dạng hình Oval 0.107 x 0.122 in. + Đường kính thân 0.134 in. + Chiều dài làm việc 13 cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA 	Cái	200	
11	Lưỡi bào mài xương ổ khớp	<ul style="list-style-type: none"> Chiều dài làm việc 13cm, đường kính 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.0mm, tốc độ vòng quay lớn nhất 12000 vòng/phút. - Lưỡi mài có nhiều hình dạng đầu mài khác nhau: oval, hình cầu, - Lưỡi mài sử dụng với tay bào khớp có 2 nút điều khiển và máy điều khiển trung tâm đa năng, có 2 màn hình cảm ứng. Tốc độ làm việc dao động từ 500 vòng/phút đến 12000 vòng/phút. Có tính năng khóa cửa sổ hút, có các chế độ khoan mài: thuận, nghịch, dao động đơn hướng, dao động đa hướng. Momen xoắn 35 in.oz. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA 	Cái	30	
12	Ống dẫn trợ cụ dùng trong phẫu thuật nội soi khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính trong: 5.5, 6.0, 8.0, 8.4mm - Chiều dài: 50, 70, 75, 85, 90mm - Nhiều hình dạng: Thân trơn, Thân có ren, Thân hình bầu - Hệ thống khóa kép - Tích hợp van điều khiển dòng chảy - Kết hợp khóa luer và ống kết nối 0.25" trên cùng một cổng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA 	Cái	30	
13	Vít neo nội soi	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: 96L/4D PLA - Neo tự tiêu kiểu ren. Đường kính 3.1mm. Kèm 1 sợi chỉ siêu bền số 2. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA 	Cái	10	
14	Kim khâu chóp xoay	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Nitinol, máu bằng PEEK phủ polymer - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA 	Cái	30	
15	Vít neo khâu chóp xoay	<ul style="list-style-type: none"> - Vít chỉ neo kiểu ren xoắn tự tiêu. - Vật liệu: 96L/4D PLA, với 2 sợi chỉ siêu bền số 2. - Kích thước: Đường kính 5mm, chiều dài 15.3mm. Đường kính 6.5mm, chiều dài 16.3mm, - Chịu được lực căng 540N và 440N. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA 	Cái	50	
16	Vít chỉ neo cố định chóp xoay	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đầu neo có đường kính 2.8mm, neo được mở rộng tới 5.0mm, kèm 2 sợi chỉ siêu bền số 2. - Neo cố định xoay 360 độ trong xương. - Neo chịu được lực căng 602N - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA 	Cái	30	
17	Vít neo cố định chỉ khâu	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: PEEK. Kích thước: Đường kính 4.5mm, chiều dài neo 11mm - Là neo không cần thắt chỉ. Chỉ được khóa bên trong neo - Chỉ được khóa vào giữa 2 bộ phận trượt, tách biệt với bề mặt xương-neo. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA 	Cái	50	

Phần II: Vật tư phẫu thuật cột sống (16 mặt hàng)

1	Vít cột sống đa trục	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Công nghệ cánh ren ngược - Vít có đường kính: 4.0 đến 8.5mm, chiều dài từ 25 - 60mm: - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc FDA 	Cái	300	
2	Nẹp dọc	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp dọc mềm đường kính 5,5mm: - Chất liệu hợp kim Titanium - Dài 508mm, trong đó 500mm hình trụ tròn và đầu 8mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Nẹp đồng bộ với vít đa trục/ đơn trục và vít khóa trong tự gãy - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE hoặc FDA 	Cái	60	

3	Vít khóa trong	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gãy khi vận đủ lực. - Được thiết kế cánh ren ngược - Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm - Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA. 	Cái	300	
4	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng dạng thang - Vật liệu: PEEK - Hình viên đạn lồi, có răng 2 bên để chống trượt. - Số điểm đánh dấu cân quang: 3 điểm làm bằng Tantalum - Chiều dài: 22mm; 26mm - Chiều cao từ 6mm; 7mm, 8mm, 9mm; 10mm; 11mm; 12mm; 13mm, 14mm; 15mm; 16mm - Chiều rộng: 10mm - Khoảng ghép xương từ: 0.32 - 1.19cc tùy kích thước. - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA 	Cái	50	
5	Nẹp nối ngang cố định cột sống	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: hợp kim Titanium - Có thể điều chỉnh được góc quay và thay đổi được chiều dài. - Nẹp kèm theo 2 vít khóa tự gãy để cố định vào nẹp dọc đường kính 5.5mm - Chiều dài từ 28 đến 80mm. - Tương thích với hệ thống nẹp vít ốc đường kính 5.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc FDA. 	Cái	10	
6	Nẹp đốt sống cổ trước	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 19mm đến khoảng 30mm. - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Cho phép bắt với vít đơn hướng có góc nghiêng 12 độ và vít đa hướng có góc nghiêng 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro/ tự khoan đường kính 4.0mm và 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc FDA. 	Cái	10	
7	Nẹp đốt sống cổ trước	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ khoảng 32.5mm đến 50mm (khoảng cách chên nhau giữa các nẹp là 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Đồng thời có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ - Góc nghiêng của vít đa hướng tối đa: 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro/ tự khoan đường kính 4.0mm và 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA 	Cái	20	
8	Nẹp đốt sống cổ trước	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 52.5 đến 72.5mm (khoảng cách chên nhau giữa các nẹp là 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Đồng thời có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ - Góc nghiêng của vít đa hướng tối đa: 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro/ tự khoan đường kính 4.0mm và 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA 	Cái	5	

9	Vít cột sống cổ đa hướng tự khoan	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Vít đa hướng tự khoan - Đường kính 4.0 mm, 4.5mm - Vít đường kính 4.0mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 1mm. - Vít đường kính 4.5mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 2mm, đường kính trong 2.9mm, đường kính ngoài 4.5mm - Góc nghiêng của vít đa hướng: 22 độ/-2 độ lên trên/xuống dưới; 17 độ/4 độ từ trong ra ngoài. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). - Đồng bộ với nẹp đốt sống cổ trước kèm khóa mũ vít 90 độ <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA</p>	Cái	200	
10	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống cổ	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: PEEK OPTIMA - Hai bề mặt có răng - Số điểm đánh dấu cân quang: 3 điểm bằng vật liệu Titanium - Chiều rộng: 11mm, 14mm - Chiều cao: 4, 5, 6, 7, 8mm - Chiều sâu: 11mm - Độ uốn: 4 độ - Dung tích khoang ghép xương: 0.12-0.26cc - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA. 	Cái	20	
11	Vít đa trục rỗng nòng qua da	<ul style="list-style-type: none"> - Mũ vít vật liệu Colbalt Chrome với vòng vương miện Titanium - Thân vít vật liệu hợp kim Titanium - Vít rỗng nòng - Có nhiều loại đường kính khác nhau: từ 4.5mm - 8.5mm, bước tăng 1mm - Chiều dài vít từ 35mm - 55mm tùy vào đường kính vít - Vít đi với hệ thống rod 4.75 - Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính 4.75mm và ốc khóa trong qua da tự gãy. <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc FDA</p>	Cái	20	
12	Ốc khóa trong	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: hợp kim Titanium - Khoảng cách giữa hai bước ren 0.9mm - Đường kính ren 7.863mm - Chiều cao sau khi bẻ mũ vít khóa trong 4.85mm - Chiều cao ban đầu trước khi bẻ mũ vít khóa trong: 10.38mm - Tự gãy khi vận đủ lực - Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rỗng nòng qua da và nẹp dọc qua da uốn sẵn 4.75mm <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc FDA.</p>	Cái	20	
13	Nẹp dọc uốn sẵn qua da cột sống ngực lưng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Cobalt Chrome - Đường kính: 4.75 mm - Uốn sẵn - Chiều dài từ 30mm - 90mm với bước tăng 5mm - Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rỗng nòng qua da và ốc khóa trong qua da tự gãy có chiều cao ban đầu là 10.38mm, chiều cao sau khi vận đủ lực là 4.85mm (không tính phần khuyết của vít khóa trong) <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc FDA</p>	Cái	10	
14	Kim chọc dò cuống sống	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Thép không gỉ và polymer (nhựa y tế) - Kim được thiết kế với 2 đường kính: phía mũi đường kính nhỏ và phía sau đường kính lớn hơn. - Tây cầm có khóa có thể tháo rời, có vạch chia trên thân dụng cụ - Chiều dài 150mm - Gồm hai phần: phần kim bên ngoài với đường kính 4.191mm và nòng bên trong với đường kính 3.175mm - Đóng gói: 1 bộ/ hộp gồm 01 kim mũi vát, 01 kim mũi trocar - Hàng đóng gói đã tiệt trùng. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA</p>	Bộ	10	

15	Miếng ghép đĩa đệm nghiêng	<p>Nẹp cổ trước liên đĩa đệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình dáng: Hình thang, có răng 2 phía chống tuột, 2 lỗ dành cho bắt vít có ren xương cứng và ren xương xốp với vòng xoay khóa vít. - Vật liệu: PEEK - Kích thước: 15x12mm và 17x14mm - Chiều cao: 5-10mm - Độ dày: cạnh sau 2.5mm, cạnh bên 2.25mm, cạnh trước 3.8mm - Độ nghiêng khi bắt vít: + Dùng dụng cụ dẫn hướng: Hướng đầu-đuôi 40 độ, Hướng ra ngoài 8 độ + Không dùng dụng cụ dẫn hướng: Hướng đầu-đuôi 27-47 độ, Hướng ra ngoài 1-10 độ - Độ nghiêng Lordosis: 6 độ - Số điểm đánh dấu cân quang: 2 điểm bằng chất liệu hợp kim Titan - Khoảng ghép xương: 0.31cc - 0.97cc <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc FDA.</p>	Cái	10	
16	Vít cột sống cổ trước	<ul style="list-style-type: none"> - Vít tự khoan - Vật liệu: hợp kim Titanium - Được thiết kế với hai phần: ren xương cứng và ren xương xốp - Đường kính 3.5mm và 4.0mm - Chiều dài: 11mm, 13mm, 15mm - Vít 11mm có 4.24mm phần ren xương cứng - Vít 13mm và 15mm có 5.24mm phần ren xương cứng <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485,-CE hoặc FDA</p>	Cái	20	
Phần III: Vật tư thay thế cấy ghép (4 mặt hàng)					
1	Bộ kit bơm xi măng thân đốt sống có bóng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ kim chọc khoan thân sống: size 2, <ul style="list-style-type: none"> - kim có 2 cỡ đường kính đầu gần lớn (7G) đường kính ngoài 4.572mm và đầu xa nhỏ (10G) đường kính ngoài 3.404mm - Gồm 2 ống trocar dạng rỗng nòng có vạch chia trên thân, 01 kim mũi vát, 01 kim mũi kim cương (có màu để phân biệt), 01 mũi khoan thân sống, 02 dụng cụ đẩy - Vật liệu: Thép không gỉ và nhựa y tế 2. Bóng nong chịu lực tối đa 400psi, có 2 điểm cân quan kiểm soát độ sâu bằng vật liệu Platium và Iridium, dung tích tối đa lên tới 5cc 3. Dụng cụ xilanh có đồng hồ thể hiện áp lực qua màn hình LCD, áp lực bơm tối đa 400psi <ul style="list-style-type: none"> - Có 02 chế độ hiển thị là psi và atm - Tương thích với tất cả các hệ thống - Vật liệu: Nhựa y tế 4. Bộ bơm áp lực đẩy xi măng vào kim chọc kèm bộ trộn gồm: <ul style="list-style-type: none"> - 01 tay trộn - 01 thân bộ trộn dung tích 70cc có khóa Luer - 01 pittong áp lực để đẩy xi măng vào kim chọc - 01 phễu đổ xi măng vào bộ trộn - 01 dây hút chân không - 01 bộ kết nối với khóa Luer trên thân bộ trộn - 01 xy lạnh để hút dung dịch pha vào xi măng thể tích 10ml - 01 kim tiêm 5. Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Bột xi măng: 20g xi măng tiệt trùng dạng bột với Barium sulphate 30%, Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68%, Benzoyl peroxide 2% - Dung dịch pha: 9g chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần Methyl methacrylate (mono-mer): 99.1%, N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9%, Hydroquinone 75ppm - Là loại xi măng có độ nhớt cao. Có cân quang: 30% Barium Sulfate - Thời gian làm việc khoảng 8 phút ở 22°C - Bảo quản dưới 25°C 6. Kim chọc đưa xi măng vào thân đốt sống size 2, dung tích 1cc gồm: <ul style="list-style-type: none"> - 01 ống rỗng nòng - 01 kim chọc đẩy xi măng có vạch đo độ sâu - Que đẩy có 2 đường kính đầu gần to, và đầu xa nhỏ để đi vào cuống sống - Vật liệu: Thép 304 và nhựa. 	Bộ	70	

2	Bộ dụng cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng	<p>Bộ bơm xi măng có bóng bao gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - 02 kim chọc dò cán chữ T mũi vát size 11G, dài 14.1cm, kim có 2 phần vỏ ngoài và nòng trong có thể tháo rời, đường kính 4.3mm, loại 1 thì. - 02 kim chọc dò tạo đường hầm chiều dài khoảng 21.8cm, đường kính 3.5mm - 06 kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống dài 20.3cm, đường kính 3.5mm, tương thích với kim chọc dò đường kính 4.3mm. - 02 bóng nong thân đốt sống dài khoảng 15mm, áp suất chịu được tối đa khi bơm 300 psi, đường kính tối đa là 19mm, áp lực tối đa 400 PSI - 02 Bơm áp lực cho bóng nong có tay cầm dạng chữ T, đồng hồ hiển thị áp lực bơm bóng trên màn hình bằng số, đơn vị tính từ 0 đến ≥ 30Bar hoặc 0 đến ≥ 400 PSI, dung tích xi lanh 20ml - 01 Bộ trộn đồ xi măng - Xi măng sinh học kèm dung dịch pha có độ nhớt thấp. Xi măng có hạt cân quang, khối lượng xi măng 20g thành phần bao gồm Polymethyl methacrylate 69.5%, Benzoyl Peroxide 0.5%, Barium sunfate 30%, dung dịch pha 10ml bao gồm Methyl Methacrylate 99.5%, N-N dimethyl-p-toluidine 0.5%, Hydroquinone 75ppm. <p>Thời gian hoạt động trung bình của xi măng 15'30s(± 3 phút) ở nhiệt độ 23°C Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016</p>	Bộ	50	
3	Khớp háng toàn phần không xi măng phủ Plasmapore (MOP) Viletene có gờ chống trật	<p>1. Chuôi xương chậu: - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V hoặc tương đương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lớp phủ vi lỗ Plasmapore nhám ở phần đầu gần - Thiết kế: Chuôi khớp nguyên khối (cổ chuôi liền thân chuôi), với góc cổ chuôi 135° và đường cắt xương khoảng 55°. - Kích cỡ chuôi khoảng từ 8-18, bước tăng 1mm - Cổ chuôi đầu gắn chỏm có đường kính taper 12/14mm - Chiều dài cổ khoảng từ 33-44mm - Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm. - Bề mặt vùng chịu lực phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm. - Thân trên có cánh chống xoay và gờ nổi dọc hai bên thân trên hỗ trợ cố định. <p>2. Chỏm khớp: - Chất liệu: Cobalt-chromium CoCrMo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: cổ côn 12/14. Đường kính các cỡ 22.2mm, 28mm; 32mm và 36mm. <p>3. Lớp lót ổ cối: - Chất liệu: Vitelene nhựa polyethelene UHMWPE-XE và vitamin E.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm. - Thiết kế lớp lót có bờ chống trật, lót gắn vào ổ cối bằng cơ chế khóa hình nón. - Kích cỡ: Có tối thiểu 10 cỡ, phù hợp với các chỏm khớp cỡ 22.2, 28, 32, 36 (mm) và ổ cối cỡ từ 40-70mm. <p>4. Ổ cối nhân tạo không xi măng: - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế: ổ cối hình vòm dát phẳng ở phần đỉnh và có các gai mịn. - Bề mặt phủ lớp titanium, lớp phủ dày khoảng 0,35mm. - Bề mặt bên trong ổ cối với lớp titanium nhám. - Kích cỡ: Gồm tối thiểu các cỡ từ 40mm - 70mm. <p>5. Vít ổ cối : - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế: vít tự-cắt, xoay quanh trục +/- 9° - Kích cỡ: Đường kính cỡ 6.5mm; chiều dài khoảng từ 16-68mm, bước tăng 4mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương. 	Bộ	70	

4	Khớp háng bán phần không xi măng phủ Plasmapore	<p>1. Chuôi xương đùi - Stem</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V - Có lớp phủ vi lỗ Plasmapore nhám ở phần đầu gần - Thiết kế: Chuôi khớp nguyên khối, với góc cổ chuôi 135° và đường cắt xương khoảng 55°. - Kích cỡ chuôi khoảng từ 8-18 (tương ứng với chiều rộng đầu xa thân chuôi 8-18mm), bước tăng 1mm - Cổ chuôi đầu gần chỏm có đường kính taper 12/14mm - Chiều dài cổ khoảng từ 33-44mm - Chiều dài chuôi 145-190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm <p>2. Chỏm khớp - Head</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Cobalt-chromium - Kích cỡ: cổ côn 12/14. Đường kính các cỡ: 22.2mm; 28mm <p>3. Ổ cối lưỡng cực (Chỏm khớp bán phần) - Cup</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: vỏ ngoài bằng vật liệu thép cây ghép chuyên dụng, lớp lót bằng polyethylene cao phân tử UHMWPE - Thiết kế tự định tâm với vòng khóa chống trật. - Đường kính trong khoảng từ 22.2mm/28mm - Kích thước đường kính ngoài khoảng từ 39 - 55mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. CE hoặc tương đương. 	Bộ	40	
Phần IV: Vật tư lọc máu, lọc tách huyết tương (5 mặt hàng)					
1	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương	<p>Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml (sai số ±10%)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích màng 0,35 m² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng làm bằng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μm - Độ dày thành sợi lọc 150 μm - Thể tích máu trong quả lọc huyết tương 41 ml (sai số ±10%) - Tốc độ máu tối thiểu 100ml/min - Tốc độ máu tối đa 400ml/min. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485.</p>	Bộ	80	
2	Bộ quả lọc máu liên tục (1)	<ul style="list-style-type: none"> - Sợi lọc làm bằng: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc làm bằng: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc làm bằng: Polyurethane - Ống dẫn làm bằng: plasticized polyvinyl chloride (PVC) - Cartridge làm bằng: PETG - Cách tiệt trùng bằng: EtO (ethylene oxide) - Thông số hoạt động của quả lọc + TMP tối đa* (mmHg/kPa) 450/60 + Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa) 500/66,6 + Thể tích máu: 93 ml (sai số ± 10 %) + Diện tích màng hiệu dụng 0,6 m² + Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt) 240μm + Độ dày thành sợi lọc 50μm. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485.</p>	Bộ	20	
3	Bộ quả lọc máu liên tục (2)	<ul style="list-style-type: none"> - Màng lọc: dạng sợi rỗng làm bằng Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc làm bằng: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc làm bằng: Polyurethane - Ống dẫn làm bằng: plasticized polyvinyl chloride (PVC) - Cartridge làm bằng: PETG - Cách tiệt trùng bằng: EtO (ethylene oxide) - Thông số hoạt động của quả lọc + TMP tối đa* (mmHg/kPa) 450/60 + Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa) 500/66,6 + Thể tích máu: 152 ml (sai số ± 10 %) + Diện tích màng hiệu dụng 0,9m² + Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt) 240μm + Độ dày thành sợi lọc 50μm. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485.</p>	Bộ	200	

4	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn Heparin	<p>Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết)</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: + Sợi rỗng làm bằng (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer): giúp hấp phụ các Cytokine + PolyethyleneImine (PEI): hấp phụ Nội độc tố + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (khoảng 4500+/-1500 IU/m²): giảm khả năng tạo huyết khối ở màng - Vỏ và đầu quả lọc làm bằng: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc làm bằng: Polyurethane - Ống dẫn làm bằng: plasticized polyvinyl chloride (PVC) - Cartridge làm bằng: PETG - Cách tiệt trùng bằng: EtO (ethylene oxide) - Thông số kỹ thuật của quả lọc + TMP tối đa* (mmHg/kPa) 450/60 + Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa) 500/66,6 + Thể tích máu trong quả lọc: 193 ml (sai số ±10%) + Diện tích màng 1,5m² + Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt) 240µm + Độ dày thành sợi lọc 50µm. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485.</p>	Bộ	60	
5	Túi thải 5 lít	<p>Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT</p> <p>Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (Ø 8 mm) để làm nơi dẫn lưu.</p> <p>Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex</p> <p>Thể tích: 5L.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485.</p>	Túi	240	
Phần V: Chỉ khâu, dụng cụ khâu nối (26 mặt hàng)					
1	Chỉ tiêu nhanh số 2/0	<p>Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 2-0 dài 90CM. Kim được làm bằng thép không gỉ SUS 304 (18 – 20% Cr, 8-10,5% Ni), kim tròn đầu tam giác, 36MM, 1/2 đường tròn, màu trắng. Duy trì 50% độ căng của chỉ sau 1 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng 42 ngày.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485,</p>	Sợi	360	
2	Chỉ tiêu tổng hợp số 4/0	<p>Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 4/0:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kim: Kim tròn 17MM, 1/2. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.549 mm, Độ sắc của kim 11gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 150độ. + Chỉ : dài 75cm, màu tím, đường kính chỉ 0.214 mm, độ bền nút thắt 1.86 kgf, được bao phủ bởi Poly (glycolide-co-lactide)(30/70) và Calcium Stearate + Thời gian tiêu: Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. + Tiệt trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485, 	Sợi	2.000	
3	Chỉ không tiêu nylon số 2/0	<p>Chỉ Nylon đơn sợi Polyamid 6&66 số 2-0:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kim: Kim 25MM, 3/8, kim tam giác. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.650 mm, Độ sắc của kim 11gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 90độ. + Chỉ : dài 75cm, màu xanh, đường kính chỉ 0.321 mm, độ bền nút thắt 2.59 kgf + Tiệt trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485, 	Sợi	3.200	
4	Chỉ không tiêu nylon số 5/0	<p>Chỉ Nylon đơn sợi Polyamid 6&66 số 5-0:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kim: Kim 17MM, 3/8, kim tam giác. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.597 mm, Độ sắc của kim 12gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 90độ. + Chỉ : dài 75cm, màu xanh, đường kính chỉ 0.138 mm, độ bền nút thắt 0.78 kgf + Tiệt trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485. 	Sợi	800	

5	Chỉ không tiêu nylon số 3/0	Chỉ Nylon đơn sợi Polyamid 6&66 số 3-0: + Kim: Kim 25MM, 3/8, kim tam giác. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.651 mm, Độ sắc của kim 12gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 90độ. + Chỉ : dài 75cm, màu xanh, đường kính chỉ 0.236 mm, độ bền nút thắt 1.92 kgf + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485,	Sợi	3.000	
6	Chỉ không tiêu nylon số 4/0	Chỉ Nylon đơn sợi Polyamid 6&66 số 4-0: + Kim: Kim 19MM, 3/8, kim tam giác. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.601 mm, Độ sắc của kim 11gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 90độ. + Chỉ : dài 75cm, màu xanh, đường kính chỉ 0.169 mm, độ bền nút thắt 1.28 kgf + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485,	Sợi	1.000	
7	Chỉ không tiêu nylon số 6/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 6-0, dài 50cm. Kim được làm bằng thép không gỉ SUS 304 (18 – 20% Cr, 8-10,5% Ni), kim 13mm, 3/8C đường tròn, kim tam giác, được tiết trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO 13485,	Sợi	240	
8	Chỉ tiêu tổng hợp số 6/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 6-0, dài 70CM. Kim được làm bằng thép không gỉ SUS 304 (18 – 20% Cr, 8-10,5% Ni), kim tròn 13MM, kim 1/2 đường tròn. Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. Tiêu chuẩn: ISO 13485,	Sợi	360	
9	Chỉ tiêu tổng hợp số 1	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 1: + Kim: Kim tròn 40MM, kim 1/2. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 1.099 mm, Độ sắc của kim 15gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 150độ. + Chỉ : dài 90cm, màu tím, đường kính chỉ 0.533 mm, độ bền nút thắt 7.13 kgf, được bao phủ bởi Poly (glycolide-co-lactide)(30/70) và Calcium Stearate + Thời gian tiêu: Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485	Sợi	3.000	
10	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 2/0: + Kim: Kim tròn 26MM, 1/2. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.751 mm, Độ sắc của kim 12gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 150độ. + Chỉ : dài 75cm, màu tím, đường kính chỉ 0.33 mm, độ bền nút thắt 4.06 kgf, được bao phủ bởi Poly (glycolide-co-lactide)(30/70) và Calcium Stearate + Thời gian tiêu: Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Sợi	4.200	
11	Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 3/0: + Kim: Kim tròn 26MM, kim 1/2. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.75 mm, Độ sắc của kim 13gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 150độ. + Chỉ : dài 75cm, màu tím, đường kính chỉ 0.27 mm, độ bền nút thắt 2.46 kgf, được bao phủ bởi Poly (glycolide-co-lactide)(30/70) và Calcium Stearate + Thời gian tiêu: Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Sợi	2.300	
12	Chỉ tiêu tổng hợp số 4/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) số 5/0: + Kim: Kim tròn 17MM, 1/2. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.451 mm, Độ sắc của kim 9gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 150độ. + Chỉ : dài 75cm, màu tím, đường kính chỉ 0.153 mm, độ bền nút thắt 1.01 kgf, được bao phủ bởi Poly (glycolide-co-lactide)(30/70) và Calcium Stearate + Thời gian tiêu: Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Sợi	480	

13	Chi tổng hợp không tiêu số 2/0	<p>Chỉ Polypropylene đơn sợi số 2-0: + Kim: Kim tròn 25MM, 2 kim 1/2. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.599 mm, Độ sắc của kim 12gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 150độ. + Chi : dài 90cm, màu xanh, đường kính chỉ 0.329 mm, độ bền nút thắt 2.41 kgf, được cấu tạo từ các tinh thể Isotactic đồng phân lập thể của Polypropylene. + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485.</p>	Sợi	360	
14	Chi tổng hợp không tiêu số 3/0	<p>Chỉ Polypropylene đơn sợi số 3-0: + Kim: Kim tròn 24MM, 2 kim 1/2. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.499 mm, Độ sắc của kim 13gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 150độ. + Chi : dài 90cm, màu xanh, đường kính chỉ 0.235 mm, độ bền nút thắt 1.68 kgf, được cấu tạo từ các tinh thể Isotactic đồng phân lập thể của Polypropylene. + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485.</p>	Sợi	360	
15	Chi tổng hợp không tiêu số 4/0	<p>Chỉ Polypropylene đơn sợi số 4-0: + Kim: Kim tròn 22MM, 2 kim 3/8. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.55 mm, Độ sắc của kim 11gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 150độ. + Chi : dài 90cm, màu xanh, đường kính chỉ 0.192 mm, độ bền nút thắt 1.26 kgf, được cấu tạo từ các tinh thể Isotactic đồng phân lập thể của Polypropylene. + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485,</p>	Sợi	360	
16	Chi tổng hợp không tiêu số 5/0	<p>Chỉ Polypropylene đơn sợi số 5-0: + Kim: Kim tròn 17MM, 2 kim 1/2. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.5 mm, Độ sắc của kim 12gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 150độ. + Chi : dài 90cm, màu xanh, đường kính chỉ 0.138 mm, độ bền nút thắt 0.86 kgf, được cấu tạo từ các tinh thể Isotactic đồng phân lập thể của Polypropylene. + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485.</p>	Sợi	240	
17	Chi tổng hợp không tiêu số 6/0	<p>Chỉ Polypropylene đơn sợi số 6-0: + Kim: Kim tròn 13MM, 2 kim 1/2. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, đường kính Kim 0.398 mm, Độ sắc của kim 7gf, Kim chịu được độ uốn lên tới 150độ. + Chi : dài 60cm, màu xanh, đường kính chỉ 0.093 mm, độ bền nút thắt 0.31 kgf, được cấu tạo từ các tinh thể Isotactic đồng phân lập thể của Polypropylene. + Tiết trùng EO + Tiêu chuẩn: ISO 13485.</p>	Sợi	240	
18	Chi tổng hợp không tiêu số 7/0	<p>Chỉ Polypropylene đơn sợi số 7-0, được cấu tạo từ các tinh thể Isotactic Polypropylene dài 75cm. Kim được làm bằng thép không gỉ SUS 304 (18 – 20% Cr, 8-10,5% Ni), Kim tròn 10MM, 2 kim 3/8 đường tròn. Tiêu chuẩn: ISO 13485.</p>	Sợi	120	
19	Dụng cụ cắt trĩ 3 hàng ghim sử dụng một lần	<p>Dụng cụ cắt trĩ Longo sử dụng một lần 3 hàng ghim cỡ 34 và 36 đường kính ngoài tương ứng các cỡ: 33.5mm, 35.0mm đường kính sau khi cắt tương ứng các cỡ là: 23.1mm, 24.8mm, chiều cao ghim tương ứng các cỡ: 3.8mm, 4.3mm, chiều rộng ghim tương ứng: 3.8mm, 3.9mm, số lượng ghim 48, ghim bấm chất liệu titan. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.</p>	Cái	50	
20	Dụng cụ khâu nối tự động tròn 3 hàng ghim các cỡ	<p>Dụng cụ khâu nối tròn 3 hàng, các cỡ từ 25mm-32mm, đường kính ngoài tương ứng các cỡ: 25.1mm ; 26.1mm; 29.6mm; 31.0mm; 32.1mm, đường kính sau cắt tương ứng các cỡ: 16.4mm; 17mm; 20.3mm; 21mm; 22mm, chiều cao ghim từ: 4.4 - 4.9mm, số lượng ghim tương ứng các cỡ: 33;33;36;36;42 ghim, chiều rộng ghim tương ứng các cỡ: 3.7mm: 3.4mm; 3.8mm; 3.8mm; 3.9mm; 3.9mm; 3.9mm, chiều cao ghim đóng 2mm, hàng ghim bấm ngoài thấp hơn ghim bấm bên trong 0.2mm, tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	Cái	40	
21	Dụng cụ khâu cắt nối dùng cho mổ mở	<p>Dụng cụ cắt khâu dùng cho mổ mở loại 80mm chiều cao ghim dập 3.8 mm, số lượng ghim: 84 ghim. Không đi kèm lưỡi dao, Ghim bấm bằng TA3 theo tiêu chuẩn GB/T13810-2007, các bộ phận sử dụng ABS hoặc polycarbonate, Tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	Cái	15	

22	Băng ghim cắt khâu dùng cho mô mỡ	Băng ghim cắt khâu dùng cho mô mỡ loại 80mm chiều cao ghim dập 3.8 mm, số lượng ghim: 84 ghim. Ghim bấm bằng TA3 theo tiêu chuẩn GB/T13810-2007. Lưỡi đi kèm trong mỗi băng ghim, các bộ phận sử dụng ABS hoặc polycarbonate; Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	50	
23	Dụng cụ phẫu thuật dùng cho mô nội soi	Dụng cụ phẫu thuật dùng cho mô nội soi loại gấp góc dài 377mm, dùng cho các loại băng ghim: 30mm, 45mm, 60mm. Đầu khớp nối có thể quay góc 90° từ trái sang phải và xoay 360°. Ghim được làm bằng chất liệu titanium nguyên chất theo tiêu chuẩn ISO 5832-2:1999 (tay cầm làm bằng chất liệu ABS, gia cố nylon hoặc Makrolon) Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	20	
24	Băng ghim cắt khâu nội soi mô màng/mạch máu	Băng ghim cắt khâu dùng cho phẫu thuật nội soi gấp góc dùng cho mô màng/mạch máu loại 30mm, 45mm, chiều dài đường cắt: 25mm, 40mm, chiều cao ghim từ trong ra ngoài: 2.0/2.5/3.0; Ghim được làm bằng chất liệu titanium nguyên chất theo tiêu chuẩn ISO 5832-2:1999 (E), Ghim có khả năng chịu áp lực của chỉ khâu lớn hơn 3.6x 103Pa, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	24	
25	Băng ghim cắt khâu nội soi mô trung bình và dày	Băng ghim cắt khâu dùng cho phẫu thuật nội soi gấp góc dùng cho mô trung bình và dày loại 45mm, 3 hàng ghim: 3.0mm/3.5mm/ 4.0mm, màu tím, chiều dài đường cắt là 40mm. Ghim được làm bằng chất liệu titanium nguyên chất theo tiêu chuẩn ISO 5832-2:1999 (E), Ghim có khả năng chịu áp lực của chỉ khâu lớn hơn 3.6x 103Pa, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	30	
26	Băng ghim cắt khâu nội soi mô trung bình và dày	Băng ghim cắt khâu dùng cho phẫu thuật nội soi gấp góc dùng cho mô trung bình và dày loại 60mm, 3 hàng ghim: 3.0mm/3.5mm/ 4.0mm, màu tím, chiều dài đường cắt là 55mm. Ghim được làm bằng chất liệu titanium nguyên chất theo tiêu chuẩn ISO 5832-2:1999 (E), Ghim có khả năng chịu áp lực của chỉ khâu lớn hơn 3.6x 103Pa, tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	100	
Phần VI: Thủy tinh thể nhân tạo, vật tư hỗ trợ mắt (13 mặt hàng)					
1	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu cự, không ngấm nước, lọc UV, lọc ánh sáng xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, cài đặt sẵn, màu vàng tự nhiên Chromophore, chất liệu Acrylic Hydrophobic; - Optic thiết kế phi cầu; - Lọc ánh sáng xanh (UY) và tia cực tím (UV); - Đường kính optic 6.0 mm, chiều dài thủy tinh thể 13.0 mm; - Optic thiết kế rìa vuông 360 độ; - Càng chữ C, góc càng 0 độ; - Chỉ số khúc xạ: 1.524; - Độ sâu tiền phòng ACD: 5.28 mm; - Chỉ số ABBE: 47; - Hằng số A: 118.4; - Chỉ số cầu sai (SA) của Optic là: -0.20µm; - Dải công suất từ + 0.0D đến + 35.0D (tăng 0.5 Diop); - Đóng gói tiệt trùng bằng khí EO; - Thủy tinh thể được cài đặt sẵn trong injector liền cartridge, qua vết mổ 2.2 mm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016.	Cái	300	
2	Thủy tinh thể nhân tạo	Thủy tinh thể mềm đơn tiêu một mảnh; chất liệu Acrylic ngấm nước 25% với bề mặt không ngấm nước; Kính dạng phi cầu <ul style="list-style-type: none"> - Kính lọc tia UV; trong suốt. Chỉ số khúc xạ 1,46 - Kính đặt qua vết mổ nhỏ ≤2.2 mm; - Đường kính optic ≤6mm; chiều dài ≥11mm theo dạng đĩa với 4 điểm tựa có bờ vuông chống đục bao sau 360 độ; Góc haptic 0 độ. - Hằng số A 118,0 - Dải công suất 0D đến +32D. - Kèm cartidge + injector dùng một lần hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	200	

3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, phi cầu, không ngâm nước, 2 còng, lọc tia UV	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, - Chất liệu vùng quang học: Hydrophobic Acrylic (nhân khô, không ngâm nước) - Không nhuộm vàng, lọc tia cực tím (UV); Optic thiết kế phi cầu cân bằng - Chi số khúc xạ: 1.548 - Đặc điểm còng: 2 còng - Chiều dài thủy tinh thể: 13mm, đường kính vùng quang học: 6,0mm - Dài công suất đáp ứng: từ +6,0 D đến +30,0 D - Kích thước vết mổ: 2.2mm - Thủy tinh thể lắp sẵn trong súng (injector) dạng xoay. - Thiết kế optic: bờ cạnh vuông chống đục bao sau thứ phát. Chất liệu Optic không gây hiện tượng Glistening. - Còng chữ C cải tiến, bề mặt còng tạo nhám chống dính vào optic - Hằng số A: 118,9; - Hiệu chỉnh quang sai cầu: -0,16μm; - Đóng gói vô trùng <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 11979</p>	Cái	600	
4	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco 2.0%	<p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch nhầy phẫu thuật Hydroxypropyl Methylcellulose - Nồng độ: 2% w/v - Độ nhớt 5250-8750 mPas - pH = 6.8 - 7.6 - Dịch nhầy được đóng gói sẵn trong xi lanh (PFS) 2.0ml - Kim hơi chuyên dùng kích thước 23G <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016</p>	Lọ, Ống	500	
5	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco 1.8%	<p>Thành phần:</p> <p>Sodium Hyaluronate Ophthalmic Solution 1.8%</p> <p>Trọng lượng phân tử cao (> 2.8 triệu Dalton)</p> <p>Độ nhớt cao (100.000-150.000 m.pas ở 25 độ C)</p> <p>Độ pH từ 6.0-7.8.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016</p>	Lọ, Ống	50	
6	Thuốc nhuộm bao	<p>Thành phần:</p> <p>Trypan Blue Ophthalmic Solution 0.06%</p> <p>Độ pH từ 6.8-7.4</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016</p>	Lọ, Ống	250	
7	Miếng dán mi cỡ to	<p>Dùng cho phẫu thuật nhãn khoa, Quy cách: 50 miếng/ hộp</p> <p>Kích thước: 10x12cm.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016</p>	Miếng	1500	
8	Miếng dán mi cỡ nhỏ	<p>Dùng cho phẫu thuật nhãn khoa, Quy cách: 100 miếng/ hộp</p> <p>Kích thước: 6cmx7cm</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016</p>	Miếng	500	
9	Dao phẫu thuật 15 độ	<ul style="list-style-type: none"> + Dao được trang bị nắp đậy an toàn. + Vật liệu chính: Tay cầm: Polycarbonate; Lưỡi dao: Thép không gỉ. Nắp: Polycarbonate. - Công nghệ mài hai mặt vát, dao thẳng. - Lưỡi dao siêu mỏng làm giảm đáng kể lực xuyên thấu và góp phần tái tạo biểu bì - Bề mặt mịn như satin cho hiệu ứng chống chói - Độ sắc nét tốt. Độ sắc bén cao - Vết rạch đậm ban đầu: Vát kép 15°, thẳng 1.00 mm <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016.</p>	Cái	500	
10	Dao mổ Phaco	<ul style="list-style-type: none"> + Dao được trang bị nắp đậy an toàn. + Vật liệu chính: Tay cầm: Polycarbonate; Lưỡi dao: Thép không gỉ. Nắp: Polycarbonate. - Công nghệ mài hai mặt vát, gập góc. - Lưỡi dao siêu mỏng làm giảm đáng kể lực xuyên thấu và góp phần tái tạo biểu bì. - Bề mặt mịn như satin cho hiệu ứng chống chói. Độ sắc nét tốt. - Đối với dao 2.2mm: Vát kép, góc cạnh: 2.20 mm. Chi báo độ sâu 1.50 và 1.75 mm đảm bảo lặn có kiểm soát. - Đối với dao 2.75mm: Vát kép, góc cạnh: 2.75 mm. Chi báo độ sâu 1.50 và 1.75 mm, 2.00 mm đảm bảo lặn có kiểm soát. <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016.</p>	Cái	500	

11	Dao lạng mỏng	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ. Dùng để tạo đường hầm trong phẫu thuật phác, tạo vạt trong phẫu thuật mô mỏng. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	150	
12	Chỉ phẫu thuật nhãn khoa các cỡ	Chỉ khâu mắt sợi đơn Polypropylene các cỡ. Tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	480	
13	Vòng căn bao	Vòng căng bao cho phép mở rộng và ổn định túi nang để tạo điều kiện cho việc cấy thủy tinh thể (IOL) an toàn và duy trì sự tập trung. Đường kính: 13/12mm Đường kính nén: 11/10mm Tiệt trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	24	